TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG KHÁNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST
Ngày 16/02/2022
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Kiệt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Thanh Tâm;

2. Bà Lê Thị Hồng Thanh.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Quang Trực.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 393/2021/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1982.

- *Bị đơn*: Anh Trịnh Văn Đ, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: khu phố RH, phường BV, thành phố LK, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H, anh Đ vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện ngày 03/6/2021, bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 21/12/2022, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày*:

Vào năm 2003, chị và anh Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HL, huyện HL, tỉnh TH. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, cuộc sống không hạnh phúc và không tìm được tiếng nói chung, anh Đ thường xuyên nhậu say về đánh đập chị và đuổi vợ con ra khỏi nhà. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu Trịnh Thị Thanh Ng, sinh ngày 21/11/2003, hiện nay đã trưởng thành và cháu Trịnh Thanh B, sinh ngày 22/9/2008. Khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi dưỡng cháu B và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/11/2021, biên bản đối chất ngày 21/12/2021, bị đơn anh Trịnh Văn Đ trình bày*:

Anh thống nhất như lời trình bày của chị H về thời gian kết hôn, mâu thuẫn của vợ chồng, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vơ, muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Trường hợp ly hôn, anh đồng ý giao cháu Bình cho chị Hiền trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự và về ý kiến giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Trịnh Văn Đ. Giao cháu Trịnh Thanh B, sinh ngày 22/9/2008 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không xem xét. Nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện ly hôn với anh Trịnh Văn Đ. Anh Đại có nơi cư trú tại khu phố RH, phường BV, thành phố LK, tỉnh ĐN. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Trịnh Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa ngày 18/01/2022, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Do đó, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quyết định hoãn phiên tòa có thông báo thời gian mở lại phiên tòa và tống đạt hợp lệ cho các đương sự, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai; chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

[3.1] Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, anh Đ không quan tâm chăm sóc vợ con, thường xuyên dựa vào rượu để có hành vi bạo lực, sỉ nhục chị H và đuổi vợ con ra khỏi nhà. Tháng 6/2020, chị H có nộp đơn xin ly hôn nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, anh Đ vẫn không thay đổi, mâu thuẫn lại tiếp tục xảy ra nên chị H khởi kiên yêu cầu ly hôn. Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ nhưng không có kết quả, bản thân anh Đ muốn đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn gia đình. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu Trịnh Thị Thanh Ng, sinh ngày 21/11/2003 và cháu Trịnh Thanh B, sinh ngày 22/9/2008. Cháu Ng hiện nay đã trưởng thành và có khả năng lao động, nên không xem xét. Đối với cháu B có nguyên vọng sống với mẹ, đồng thời chị H và anh Đ cũng thống nhất giao cháu B cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, nên chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con, do chị H không yêu cầu nên không xem xét. Tạm thời anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận nên không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Chị H, anh Đ khai không có nên không xem xét.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 và Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Trịnh Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Trịnh Thanh B, sinh ngày 22/9/2008 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đ có quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị H và anh Đkhai không có nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Hiền đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0005089 ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh. Chị H đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Long Khánh;
- Chi cục THADS TP. Long Khánh;
- UBND xã xã Hòa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Anh Kiệt